

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/09/2017**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P1	7:25	17+5	0+0		12+0	0+0	
2		P5+TD5+RP3	7:25	6+15+1	0+0+0		0+10+6	0+0+0	
3		AMD	9:25	22	0		1	0	
4		AMD	9:25	22	0		0	0	

TTBBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Sep-17	TO: P5 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hôi - VTHU - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC TUNG	P5	59-60	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG SỰ	P5	51-52	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN DUNG	P5	56	1	12		69	CODIEN	Vietnamese
4	CHU TUAN ANH	P5	53-54	2	9		57	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC MINH	P5	57-58	2	17		55	CODIEN	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC ANH	P5	55	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ MẠNH THĂNG	TD5	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	ALEKSANDROV A.A	TD5	74	1	4		86	KHOAN	Russian
9	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD5	69	1	7		100	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU THANH	TD5	79	1	9		65	NHA THAU	Vietnamese
11	DATSKO PAVEL	TD5	72-73	2	15	42	110	KHOAN	Russian
12	LÊ THANH LAM	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TUAN	TD5	66	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	MAI XUAN HA	TD5	70-71	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THANH	TD5	68	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TRƯƠNG TRUNG	TD5	75	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	77	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LÊN	TD5	78	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VINH DUY	TD5	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN VIỆT HÙNG	TD5	80	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
21	LÂM VĂN HẠNH	TD5	76	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
22	ĐÀO DUY ĐIẾP	RP3	87	1	12	40	85	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	6	10	78	404	0	0		
2	TD5	15	16	101	1.060	42	10		
3	RP3	1	1	12	85	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>191</b>	<b>1.549</b>	<b>82</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.549</b>	<b>82</b>			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Sep-17	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hoi - VTHU - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH KHANH	AMD	19	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NGHIEM	AMD	14-15	2	20		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MANH HA	AMD	08	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG TRUNG KIEN	AMD	03	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG LONG	AMD	16-18	3	19		72	KH-THAC	Vietnamese
7	VADIM BOGACHEV	AMD	06	1	12		87	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN DUC HAU	AMD	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUNG	AMD	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI XUAN TAO	AMD	12-13	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH DANH	AMD	10	1	12		54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	07	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH CUONG	AMD	11	1	9		96	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG THE MINH	AMD	30-31	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THANH	AMD	20	1	7	80	65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY KHANH	AMD	21-22	2	15		52	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG VAN BAC	AMD	25	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM QUYET TIEN	AMD	32,38	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN SINH	AMD	26-27	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VAN SY	AMD				19	72	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG THANH SON	AMD	29	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
22	DINH VIET HAI	AMD	28	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	29	221	1.489	99	1		
	TOTAL	22	29	221	1.489	99	1		
	WEIGHT KG			221	1.489	99			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2017	TO: AMD	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: PHÚ - DLONG - ĐANG	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN THE	AMD	21	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN DU LICH	AMD	20	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRAN BAO LINH	AMD	09	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THANH	AMD	08	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TIEN	AMD	07	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TU	AMD	16	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUONG	AMD	05	1	13		62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH MAI THIEN	AMD	501,302	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO XUAN DUNG	AMD	04	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HA MANH HOANG	AMD	06	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NONG MINH HAI	AMD	02-03	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
12	HA QUANG HUY	AMD	01	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE KHA DAO	AMD	15	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BANG	AMD	10	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN CONG OAI	AMD	13-14	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
16	MAC XUAN TRUONG	AMD	18-19	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LE BIEN THUY	AMD	17	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DUC CHI	AMD	23-24	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN HUYNH	AMD	25	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANH	AMD	22	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN GIANG NAM	AMD	11-12	2	18	35	83	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VO NGOC QUYNH	AMD	26-28	3	14		62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
I	AMD	22	30	209	1.490	35	1		
	TOTAL	22	30	209	1.490	35	1		
	WEIGHT KG			209	1.490	35			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/09/2017	TO: TD3 - P1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: PHÚ - DLONG - ĐANG	ETA: 09:15

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASHEV LIU	TD3	69	1	10		91	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN THUY	TD3	75	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN VIET	TD3	79	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
4	BUI SONG TOAN	TD3	76	1	7		72	NHA THAU	Vietnamese
5	LE ANH XUAN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEN	TD3	72	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	BUI HUU VUNG	TD3	78	1	6	5	87	KHOAN	Vietnamese
9	DOAN QUANG BAC	TD3	70	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN KIEM	TD3	77	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
11	DAO TIEN THIET	TD3	71	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
12	DO THANH HAI	TD3	74	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	TD3	82	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
14	TAA CAO BIEN	TD3	73	1	5		63	D-HANH	Vietnamese
15	YSKANDEROV	TD3	83	1	8		70	D-HANH	Russian
16	BAKHMATSKY	TD3	81	1	5		100	D-HANH	Russian
17	VU HUU TAN	TD3	80	1	5		75	DVL	Vietnamese
18	CAO QUANG HUNG	P1	80-81	2	25		103	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN THIEN DUC	P1	83-84	2	23		70	CODIEN	Vietnamese
20	PHAM VAN HAI	P1	82	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
21	DUONG CONG LUONG	P1	77	1	7		73	CODIEN	Vietnamese
22	KURKIN	P1	78	1	12	25	81	CODIEN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	15	82	1.245	5	14		
2	P1	5	7	74	397	25	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>156</b>	<b>1.642</b>	<b>30</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>156</b>	<b>1.642</b>	<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	BK5+P4	7:25	8+14	0+0		3+19	0+0	
2	406	TTC3+P7+JS2	7:25	4+7+11	0+0+0		0+10+7	0+0+0	
3	410	TD3+P1	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
4	424	P2+P10+P5	7:25	10+0+12	0+0+0		8+0+11	0+0+0	TRANS 2 PAX P2-P10
5	426	TTC1+P2	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
6	406	P1+P11+P3	9:25	17+0+5	0+0+0		13+3+5	0+0+0	
7	424	AMD+CTK3+P1	9:25	17+1+4	0+0+0		1+0+0	0+0+0	TRANS 2 PAX CTK3-P1
8	410	P7+P3+TTC3	9:25	10+12+0	0+0+0		3+15+4	0+0+0	
9	426	P4+JS2+P2	11:25	15+0+6	0+0+0		8+1+4	0+0+0	TRANS.5 PAX JS2-P2
10	406	PPD+BK5+TD3	11:25	16+2+4	0+0+0		3+7+5	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : 1/ĐI VE TRONG NGÀY : BK5-5NG, TTC3-4NG, BK6-1NG, BK8-1NG, 2/ ATC4 -5 NG JS2 CHUYEN QUA P2



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2017	TO: BK5 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - Luy - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GABITOV	BK5					90	D-HANH	Russian
2	KAZIKOV	BK5	03	1	7		100	D-HANH	Russian
3	LARIN	BK5	04	1	3	50	90	D-HANH	Russian
4	ANDREEV	BK5	02	1	4		90	D-HANH	Russian
5	BUI ANH SON	BK5					61	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC AN	BK5	05	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRUNG HAU	BK5	06	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MANH HA	P4	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHONG	P4					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY THAI	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
12	VU BAO AN	P4	76	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG VINH	P4	82-83	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN TAM	P4	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG HUU HAU	P4	73	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN NGOC TUAN	P4	74	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NHAN HAI	P4	71	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH TUAN	P4	81	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN KHANH	P4	72	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM KHAC DOAN	P4	75	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VU HONG HA	P4	69	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SON	P4	78	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	6	31	636	50	3		
2	P4	14	13	88	955	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>19</b>	<b>119</b>	<b>1.591</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>119</b>	<b>1.591</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2017	TO: P2 - P10 - P5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: PHÚ - DLONG - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG 1 A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THANH HOA	P2	46	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	51	1	6		70	PSV	Vietnamese
3	HỒ ĐÌNH LỘC	P2	50	1	7		75	PSV	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	49	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VIỆT THANH	P2	42-44	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH BA ĐỒNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH ĐỨC	P2	45	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	P2	48	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TƯỜNG ƯNG	P2	47	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN BAC	P5					80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHÚC	P5	62	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH DUY	P5	68	1	5	25	82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	61	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC THÀNH	P5	67	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI VĂN BA	P5	71	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TỬ LƯƠNG	P5	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HÙNG	P5	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TU VAN SON	P5	66	1	5	90	80	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	64	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CUÔNG	P5	72	1	6		63	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	10	50	600	0	8+2		TRANSFERS 02 PAX FROM P2 TO P10
2	P10	0	0	0	0	0	0		
3	P5	12	11	55	842	115	11		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>21</b>	<b>105</b>	<b>1.442</b>	<b>115</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>105</b>	<b>1.442</b>	<b>115</b>			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Sep-17	TO: TTC3 - P7 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - PTUÁN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC DÙNG	TTC3	95	1	5	15	72	DIEUHANH	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HOẠT	TTC3					64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THĂNG	TTC3	94	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU VĂN ĐIỆP	TTC3	96	1	3		64	NIPI	Vietnamese
5	LUÔNG ANH TUAN	P7	12	1	5	25	60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGHĨA TIN	P7	18	1	12	15	80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	16	1	10	6	64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LỢI	P7	09	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN HOAN	P7	19	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TIẾN	P7	15	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN KHOAI	P7	13-14	2	8		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG MẠNH	JS2				50	79	D-HANH	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC THĂNG	JS2	26	1	6		68	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TUAN	JS2	25	1	6		75	D-HANH	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC TÂN	JS2	29	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
16	ĐO THỊ MÈN	JS2	31	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
17	BOTSOV	JS2	24	1	2		75	NIPI	Russian
18	ĐẠO ĐỨC HÙNG	JS2					58	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN HIỆU	JS2	32	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO TUAN HUNG	JS2	27-28	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN QUYÊN	JS2	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN PHÊ	JS2					73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	4	3	11	278	15	0		
2	P7	7	8	51	479	46	10		
3	JS2	11	9	47	760	50	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>109</b>	<b>1.517</b>	<b>111</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>109</b>	<b>1.517</b>	<b>111</b>			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2017	TO: TD3 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAT HOA	TD3				24	78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THUAN	TD3	96	1	5	70	75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THANH SON	TD3	97	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGOC THANG	TD3	86	1	15		84	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH PHUC AM	TD3	90-91	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese
6	KUSTOV	TD3	85	1	3		95	NIPI	Russian
7	ĐÔNG XUÂN CHIÊN	TD3	87	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	BONIFACIO MURZELLO	TD3	88-89	2	15		78	SCHLUMBE	Indian
9	LE HONG VU	TD3					90	SCHLUMBE	Vietnamese
10	NGUYEN THE TRA	TD3	94-95	2	20		66	SCHLUMBE	Vietnamese
11	VU VAN MANH	P1				15	80	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN TU	P1	85	1	5	15	66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG THO	P1	30	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN THANG	P1	25	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HO HUU CHUNG	P1	32	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN XUAN LANH	P1	27	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN THANG	P1	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG PHUOC	P1	35-36	2	13		76	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI HUY NGHIỆP	P1	33-34	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DUY KHANH	P1	26	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO ĐĂNG PHÒNG	P1	28-29	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO THANH HUNG	P1					71	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	85	757	94	8		
2	P1	12	13	76	825	30	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>161</b>	<b>1.582</b>	<b>124</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>161</b>	<b>1.582</b>	<b>124</b>			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Sep-17	TO: TTC1 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - Luy - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA NGOC THANH	TTC1	34	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TAM	TTC1	31	1	15	88	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HONG PHONG	TTC1	32	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VU MINH ĐỨC	TTC1	33	1	13		94	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAC ĐỨC HUY	P2	55	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	62	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHU HUU	P2	69	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU VAN TU	P2	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN ĐÔNG	P2	65	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG ĐỨC LINH	P2	67-68	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN NAM	P2	71-72	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIỆU	P2	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THỊ DUNG	P2	56	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ HOANG NAM	P2	58	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DINH HUAN	P2	54	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
16	LE SINH TAM	P2	53	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
17	VU NGOC DUNG	P2	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG HUNG	P2	61	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HONG PHUONG	P2	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	K'LING	P2	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU HA	P2	64	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN SON	P2	70	1	7		70	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	4	53	301	88	0		
2	P2	18	20	84	1.243	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>137</b>	<b>1.544</b>	<b>88</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.544</b>	<b>88</b>			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2017	TO: P1 - P11 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LBình - TTrung - PTUẤN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YATSENKO	P1	29	1	9	50	96	D-HANH	Russian
2	NGUYEN VAN KHOA	P1	31	1	4		73	D-HANH	Vietnamese
3	LE NHAT TUAN	P1	27	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
4	TARGANOV	P1	17	1	6		92	D-HANH	Russian
5	DUONG THANH TUNG	P1	28	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN KHANH DUY	P1	32	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
7	VI KHAC THANH	P1					68	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU VAN TUAN	P1	33	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUANG TIEN	P1	21	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HAI	P1	30	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NONG	P1	26	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH HAI	P1	23-24	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN SI DU	P1	22	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG YEN	P1	61	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NGHIA	P1	20	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN HUYEN	P1	25	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TA NGOC NAM	P1	19	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUU	P3	48-49	2	16		71	KH-THAC	Vietnamese
19	DO VAN DAM	P3	44	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRUNG CHINH	P3	46	1	16		67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI SY CONG	P3	45	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÔNG VĂN THỊNH	P3	47	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	17	93	1.250	50	13		
2	P11	0	0	0	0	0	4		
3	P3	5	6	50	353	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>143</b>	<b>1.603</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>143</b>	<b>1.603</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2017	TO: AMD - CTK3 - P1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: PHÚ - DLONG - ĐANG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	AMD	37-39	3	18		74	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ THANH HUNG	AMD	46	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ HUU QUYẾT	AMD	49-50	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	34-35	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	AMD	45	1	10	10	75	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VIỆT BÌNH	AMD	47-48	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN CƯỜNG	AMD	39	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT VĂN	AMD	142	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUNG	AMD	40-41	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN LỢI	AMD	36	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI TRƯỜNG GIANG	AMD	148-150	3	25		62	KH-THAC	Vietnamese
12	KYAW TUN LIN	AMD	40-42	3	18		68	KH-THAC	Myanmar
13	TRENT MAUNG TINT LWIN	AMD	43-45	3	20		85	KH-THAC	Singapore
14	CAO HUU CHIEU	AMD	147	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH TRI	AMD	143-144	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	33	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NG. TRỌNG TÂN	CTK3	62-63	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH QUANG TIẾN	P1	42-43	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	DUƠNG DUY KHUÔNG	P1	44	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	800	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN TIẾN LŨ	P1	45	1	10		65	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	29	199	1.086	10	1		CHUYEN 2 PAX CTK3-P1
2	CTK3	1	2	8	70	0	0 + 2		
3	P1	4	5	35	276	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>36</b>	<b>242</b>	<b>1.432</b>	<b>10</b>	<b>1</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>242</b>	<b>1.432</b>	<b>10</b>			

GRAND TOTAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Sep-17	TO: P4 - JS2 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Văn - MTuấn - Luy - Vũ	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ TÂN DŨNG	P4	87	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUANG SON	P4	90	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	89	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THĂNG	P4	79	1	8		100	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THAI SON	P4	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	80	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỒNG TRUNG	P4	91	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	92	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	94	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI THANH ĐỨC	P4	95	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BÀ CƯỜNG	P4	84	1	5		80	D-HANH	Vietnamese
12	ĐINH TRUNG KIẾN	P4	86	1	4		67	D-HANH	Vietnamese
13	BUI VĂN HUY	P4	85	1	7		65	D-HANH	Vietnamese
14	NGÔ SỸ KHOA	P4	88	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	LUƠNG THẾ HIẾN	P4	81-82	2	23		70	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN LONG	P2	96	1	5		56	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU NHÂN	P2	99	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	THIỀU VĂN SỰ	P2	800	1	2	80	60	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐẠI	P2	98	1	6		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	95	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CƯỜNG	P2	97	1	7		65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	16	103	1.063	0	8		CHUYEN 5 PAX JS2 SANG P2
2	JS2	0	0	0	0	0	1 + 5		
3	P2	6	6	30	379	80	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>133</b>	<b>1.442</b>	<b>80</b>	<b>13</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>133</b>	<b>1.442</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2017	TO: PPD - BK5 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LBinh - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	29	1	5	19	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HAI	PPD	27-28	2	10		79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG NINH	PPD					62	KHI	Vietnamese
4	TRƯỜNG VĂN HUY	PPD	24	1	10		62	KHI	Vietnamese
5	LÊ XUÂN VIỆT ANH	PPD	08-09	2	18		62	KHI	Vietnamese
6	PHẠM DUY THANH	PPD	10-11	2	15		63	KHI	Vietnamese
7	VU ĐÌNH KHIEM	PPD	22	1	10		74	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUAN	PPD	15	1	8		52	KHI	Vietnamese
9	LÊ MINH DUYEN	PPD	16-17	2	15		85	KHI	Vietnamese
10	LÊ VIỆT LINH	PPD	25-26	2	15		63	KHI	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	PPD	23	1	7		51	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HUY TẤN	PPD	14	1	7		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUU CHIEN	PPD	18	1	6		72	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG DÂN	PPD	12-13	2	10		77	KHI	Vietnamese
15	TRƯỜNG NGỌC DUY	PPD	20-21	2	10		75	KHI	Vietnamese
16	VU TAT DINH	PPD	19	1	10		60	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THUY	BK5	10	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC QUANG	BK5	11	1	5		99	PSV	Vietnamese
19	PALAKON KOTCHAPANSOM	TD3	89-90	2	20		80	SCHLUMBE	Thailand
20	CHARLES LEO BIN KORNOL	TD3	87-88	2	19		82	SCHLUMBE	Malaysian
21	ALI ABDUL AZIZ JOFRI	TD3	86	1	15		127	SCHLUMBE	Bruneian
22	VU VAN TIEN	TD3	91-93	3	15		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	22	156	1.075	19	9		
2	BK5	2	2	10	179	0	7		
3	TD3	4	8	69	359	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>32</b>	<b>235</b>	<b>1.613</b>	<b>19</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>235</b>	<b>1.613</b>	<b>19</b>			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Sep-17	TO: P7 - P3 - TTC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 0955
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm - DTùng	ETA: 1125
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ DUY TRUNG	P7	75	1	8	70	68	KH-THAC	Vietnamese
2	KHUÔNG VĂN THẢO	P7	77-78	2	11		82	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TRUNG KIẾN	P7	85	1	13	25	76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P7	23-24	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC VĂN	P7	38	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
6	BÁCH ANH TUẤN	P7	76	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NG. ĐOÀN THANH	P7	79-80	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P7					74	PSV	Vietnamese
9	BUI ĐẶC CẢNH	P7	21	1	3		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HẠNH	P7	22	1	10		71	PSV	Vietnamese
11	HOANG BÀ VỊNH	P3	32-33	2	15		59	KH-THAC	Vietnamese
12	DUƠNG CÔNG ĐĂNG	P3	34	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HỒNG HAI	P3	36	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUÔNG	P3	37	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SOÀI	P3	35	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH THỤY	P3	28	1	16		76	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VIỆT THUẬN	P3	38	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	31	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ BÌNH VIỆT	P3	40	1	8	40	64	T-TIN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐOÀN	P3	39	1	7		62	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HỮU	P3	29	1	3		61	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	P3	30	1	3		61	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	10	12	84	707	95	3		
2	P3	12	13	104	779	40	15		
3	TTC3	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>188</b>	<b>1.486</b>	<b>135</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>188</b>	<b>1.486</b>	<b>135</b>			

GRAND TOTAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/09/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	TD1+JS2+RC3	7:25	18+0+4	0+0+0	9+9+0	0+0+0		
2	420	PVD2+CLO+AMD	7:25	14+7+1	0+0+0	8+9+5	0+0+0		
3	424	PVD1+CLO+TD2	7:25	7+15+0	0+0+0	2+12+8	0+0+0		
4	426	TD1+P4+TD3	9:25	9+0+11	0+0+0	7+2+13	0+0+0		
5	420	PVD1	9:25	21	0	22	0		
6	424	PVD2+RC3	11:25	22+0	0+0	18+4	0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : 1/ATC4- 4 ng. đi RC3 về trong ngày



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Sep-17	TO: PVD2 - CLO - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - NNam	ETA: 09:30
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HIEU	PVD2	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	DOAN VAN VIET	PVD2	15	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH QUANG	PVD2	10	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUY TU	PVD2	20-21	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
5	DONALD GAY	PVD2	04-05	2	17		145	KHOAN	American
6	NGUYEN NGOC QUY	PVD2	18-19	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NHAT MINH	PVD2	07-08	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG PHONG	PVD2	06	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
9	LE KHAC KIEN	PVD2	13	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
10	MAI QUOC MINH	PVD2	14	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	MUSTAFA	PVD2	09	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH THE	PVD2	11	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE NGOC MANH	PVD2	17	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	DO MINH THANH	PVD2	12	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN QUY	CLO					72	D-HANH	Vietnamese
16	V.T. TAM	CLO	80	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
17	N. N. NAM	CLO	83	1	5		80	D-HANH	Vietnamese
18	N.HOAI VU	CLO	79	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
19	LE VAN PHU	CLO	84	1	5	20	75	YTE	Vietnamese
20	NEKLIASA A.I	CLO	82	1	5		120	KHOAN	Russian
21	SHERBAKOV M.IU	CLO	81	1	5		89	KHOAN	Russian
22	TRAN DANG QUYET	AMD	52-54	3	17		75	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	18	126	1.041	0	11		
2	CLO	7	6	28	578	20	6		
3	AMD	1	3	17	75	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>171</b>	<b>1.694</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>171</b>	<b>1.694</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2017	TO: TD1 - JS2 - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - LHaï - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK C.I	TD1	53	1	6	40	118	KHOAN	Russian
2	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	50	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUY	TD1	56-58	3	10		60	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH HOANG KHANH	TD1	45	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN QUY	TD1	42	1	4	27	58	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN TOAN	TD1	62	1	6		67	CO DIEN	Vietnamese
7	TRINH HUY TOAN	TD1	38	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC SON	TD1	39	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN GIANG	TD1	49	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE DINH ĐOAN	TD1	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHONG	TD1	40	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG VAN TUAN	TD1	43	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ QUY VINH	TD1	41	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN HẬU	TD1	46	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TÂN	TD1	44	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LAM	TD1	47	1	8		89	D-HANH	Vietnamese
17	ĐỖ DUY ĐÔNG	TD1	51	1	8		69	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VIEN	TD1	48	1	6		75	D-HANH	Vietnamese
19	CAO TUNG SON	RC3					78	D-HANH	Vietnamese
20	PHAM VAN NAM	RC3	26	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
21	HOANG GIANG LAM	RC3					82	D-HANH	Vietnamese
22	ĐỖ HIỆP PHŨ	RC3	25	1	2		65	D-HANH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	20	93	1.276	67	9		
2	JS2	0	0	0	0	0	9		
3	RC3	4	2	7	295	0	01		
TOTAL		22	22	100	1.571	67	19		
WEIGHT KG				100	1.571	67			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2017	TO: PVD1 - CLO - TD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐToàn - DLONG - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NGOC QUY	PVD1	40	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
2	LE TRUNG SON	PVD1	41	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
3	ONG VAN NAM	PVD1	45	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THE TRUONG	PVD1	43	1	7	20	70	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN CHIEN	PVD1	42	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NINH	PVD1	44	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN QUOC ANH	PVD1	46	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
8	TU QUOC VIET	CLO	35	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHU VINH	CLO	40	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN DUY	CLO	46	1	7	20	64	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN NGOC AN	CLO					72	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN QUYNH	CLO	41	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG TRUNG THONG	CLO	38	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THE NHU	CLO	39	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOI	CLO	42	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM ĐUC MINH	CLO	45	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
17	NGHIEM XUAN QUANG	CLO	34	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
18	CU HONG SON	CLO	36	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	47	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	37	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
21	LA QUY DANH	CLO	44	1	7		64	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HIEN	CLO	43	1	7		71	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	7	7	52	472	20	2		
2	CLO	15	14	70	992	20	15		
3	TD2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	21	122	1.464	40	22		
WEIGHT KG				122	1.464	40			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2017	TO: PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC HUONG	PVD1	49	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
2	THAI PHAT	PVD1	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MANH DUONG	PVD1	62	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH HUU BINH	PVD1	55	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN DUC THINH	PVD1	61	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN THANH	PVD1	54	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HOA	PVD1	53	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THANG	PVD1	51	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
9	DO XUAN CANH	PVD1	58-59	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
10	BEN SMIT	PVD1	68	1	10		98	KHOAN	Australian
11	NGHIEM VU DAT	PVD1	71	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	WILLIAM MAC ARTHUR	PVD1	69-70	2	18		76	KHOAN	British
13	NGUYEN VAN LIEU	PVD1	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	WILLIAM POLCHAREE	PVD1	67	1	5		104	KHOAN	Thailand
15	PHAM THE TU	PVD1	50	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	TON VU NHAT	PVD1	56	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
17	HO VAN QUYNH	PVD1	52	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LINH	PVD1	64	1	10	40	82	KHOAN	Vietnamese
19	UDACHIN D.V	PVD1	60	1	10		73	KHOAN	Russian
20	TRUONG MINH KHANH	PVD1	63	1	8		63	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	22	140	1.453	40	22		
	TOTAL	20	22	140	1.453	40	22		
	WEIGHT KG			140	1.453	40			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Sep-17	TO: TD1 - P4 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - LHai - Nam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN CAO TUAN	TD1	66	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN DAI NGHIA	TD1	68-69	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
3	MAI DINH KHANG	TD1	72	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN TRUNG PHONG	TD1	67	1	7	28	68	CODIEN	Vietnamese
5	NIKITIN	TD1	64	1	5		90	ANTOAN	Russian
6	NGUYEN TUAN ANH	TD1	65	1	10		68	DVL	Vietnamese
7	PHAN THIEN SON	TD1	70-71	2	17		70	DVL	Vietnamese
8	PHAN THANH TAI	TD1	63	1	5		55	DVL	Vietnamese
9	PHAM ANH TUAN	P4	01	1	7		60	HDONG	Vietnamese
10	NGUYEN VAN AN	P4	02	1	5		64	HDONG	Vietnamese
11	DAO DUC DONG	TD3	59	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VAN DUNG	TD3	60	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VU NAM	TD3	53	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HA	TD3	61-62	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN XUAN TUC	TD3	51-52	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
16	TRUONG VAN DUC	TD3	55	1	10	40	70	XAYLAP	Vietnamese
17	DOAN XUAN DUONG	TD3	56	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
18	DINH QUANG THAI	TD3	65-67	3	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	DAO QUYET THANG	TD3	54	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LE CONG NAM	TD3	82,50	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DUNG	TD3	57-58	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	10	70	561	28	7		
2	P4	2	2	12	124	0	2		
3	TD3	11	17	143	757	40	13		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>29</b>	<b>225</b>	<b>1.442</b>	<b>68</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>225</b>	<b>1.442</b>	<b>68</b>			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2017	TO: PVD2 - RC3	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐToàn - DLONG - Đăng	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHIEN THANG	PVD2	17	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
2	LE XUAN TUYEN	PVD2	14	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN DAC KIM	PVD2	13	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	PVD2	11	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH HUU KIEN	PVD2	32	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	LE NGOC HA	PVD2	07	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VU TRUONG GIANG	PVD2	30-31	2	15		55	KHOAN	Vietnamese
8	LE QUANG HUNG	PVD2	06	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	08	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH THANH TAM	PVD2	12	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DINH AN	PVD2	10	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN XUAN LONG	PVD2	16	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
13	HO VIET CUONG	PVD2	15	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THE ĐANG	PVD2	09	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HAI	PVD2	22-23	2	16		58	KHOAN	Vietnamese
16	LE DINH HUNG	PVD2	24	1	5	25	76	KHOAN	Vietnamese
17	LE DINH LONG	PVD2	19-21	3	20		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUYEN	PVD2	18	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN KHIEM	PVD2	28-29	2	17		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRỌNG QUÊ	PVD2	03	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN NGOC	PVD2	01-02	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN VAN VIET	PVD2	04-05	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	29	191	1.454	25	18		
2	RC3	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>29</b>	<b>191</b>	<b>1.454</b>	<b>25</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.454</b>	<b>25</b>			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/09/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	RP3+BK3+DD8	7:25	9+5+8	0+0+0		1+6+15	0+0+0	TRANS 4 PAX BK3-DD8
2	426	P2+BK15+P4	7:25	11+11+0	0+0+0		8+7+7	0+0+0	
3	424	BK9+BK4+TD2	7:25	5+7+9	0+0+0		1+5+16	0+0+0	
4	406	P11+P10+TD3	9:25	17+5+0	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
5	426	VSP02+BK5+P10	9:25	3+0+19	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
6	424	TD2+BK10+RC6	9:25	11+11+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
7	406	P9+BK9+CTK3	11:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	TRANS 5 PAX BK9-CTK3
8	426	P2+P9+BK15	11:25	16+6+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
9	424	P2+BK4+DD8	11:25	9+1+9	0+0+0		8+2+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi chú : 1/ATC4-4NG. TỰ CLO CHUYỂN QUA DD8 (QUA ĐIỂM BK3), SAU ĐÓ VỀ BỜ TỪ DD8 CHUYỂN CƯỚI.  
2/ ĐI VỀ TRONG NGÀY: BK4-2NG, BK15-4NG, P2-3NG, 5 NG ĐI BK9 CHUYỂN QUA CTK3 CHUYỂN CƯỚI.





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2017	TO: BK9 - BK4 - TD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐToàn - DLONG - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BRANCHUKOV	BK9	91	1	6		93	D-HANH	Russian
2	NOVIKOV	BK9	93	1	14		95	D-HANH	Russian
3	NGUYEN NGOC ANH TUAN	BK9	90	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
4	DASHENKO	BK9	94	1	9		93	D-HANH	Russian
5	KHRENNIKOV	BK9	90	1	10		92	D-HANH	Russian
6	PHAM BA HIEN	BK4	94	1	3		63	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LIEN	BK4	93	1	4	35	83	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUNG	BK4					78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO ĐANG ĐỨC	BK4	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ BA TUAN	BK4	96-97	2	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TIEN	BK4	22-23	2	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH VƯƠNG	BK4	91-92	2	17		77	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ MINH ĐỨC	TD2	01	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
14	KOSHELEV PAVEL	TD2	05	1	5		90	KHOAN	Russian
15	ĐỖ XUÂN VANG	TD2				55	83	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VAN KHAI	TD2	04	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TUAN NGHIA	TD2	03	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	06	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC THÀNH	TD2	02	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ THẬP TOAN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VĂN NAM	TD2					81	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	5	5	44	440	0	1		
2	BK4	7	9	39	510	35	5		
3	TD2	9	6	32	686	55	16		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>20</b>	<b>115</b>	<b>1.636</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>115</b>	<b>1.636</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Sep-17	TO: RP3 - BK3 - DD8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Vận - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐĂNG TÂM	RP3	06	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
2	KAZIKOV	RP3	09	1	5		95	D-HANH	Russian
3	HUYNH XUAN TRUONG	RP3	01	1	5	40	70	D-HANH	Vietnamese
4	BUI SON HAI	RP3	07	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
5	VU VAN TOAN	RP3	02	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
6	HOO NGOC HUNG	RP3	03	1	4		80	D-HANH	Vietnamese
7	PHAN NGOC QUYET	RP3	04	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DUNG	RP3	08	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
9	TANG VAN THANG	RP3	05	1	3		60	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN MINH	BK3	92	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	91	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH PHONG	BK3	94	1	6	40	76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC THIẾP	BK3	93	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM BA BÌNH	BK3	27,43	2	10		67	PSV	Vietnamese
15	DONALD SOPHONOW	DD8	54-55	2	10		82	KHOAN	Canadian
16	MURUGAN KALIDHAS	DD8	53	1	9		67	KHOAN	Indian
17	VU VAN TRUNG	DD8	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	SUNGGUL TAMPUBOLON	DD8	52	1	5		70	KHOAN	Indonesian
19	NGUYEN VAN DINH	DD8	57	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG TRUNG	DD8	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	HA QUOC DUNG	DD8	58	1	6	35	77	KHOAN	Vietnamese
22	LE NGOC HUNG	DD8	51	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	9	39	658	40			CHUYEN 04 PAX TU BK3 SANG DD8
2	BK3	5	6	31	327	40	2 6+4		
3	DD8	8	9	48	573	35	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>118</b>	<b>1.558</b>	<b>115</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>118</b>	<b>1.558</b>	<b>115</b>			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2017	TO: P2 - BK15 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO V.A.	P2				30	96	KH-THAC	Russian
2	ORLOV I.V.	P2	08	1	5		88	KH-THAC	Russian
3	PASHCHANOV A.V.	P2	07	1	4		100	KH-THAC	Russian
4	APHANASIEV	P2	10-11	2	18		96	KH-THAC	Russian
5	PHAM QUOC HIEN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
6	VO ANH NGOC	P2	03-04	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO VAN DAU	P2	05	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE ANH	P2	09	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VO TAN CHAU	P2	06	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
10	HO HUU LINH	P2	01	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY NGOC	P2	02	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANG	BK15	23	1	3	60	60	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HUNG	BK15	40	1	2		77	D-HANH	Vietnamese
14	LE HONG DAI	BK15	24	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
15	PHAN KIM CUONG	BK15	39	1	2		65	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG HAI	BK15	37	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC TUNG	BK15	22	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH CONG	BK15	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH THANG	BK15	36	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HAI QUAN	BK15	38	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
21	TRAN ANH QUANG	BK15	25	1	14		80	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH NHAN	BK15	17	1	8		65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	11	76	894	30	8		
2	BK15	11	11	55	736	60	7		
3	P4	0	0	0	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>131</b>	<b>1.630</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>131</b>	<b>1.630</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2017	TO: VSP02 - BK5 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HỒi - MTuấn - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH VY	VSP02	90-91	2	16	83	61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG PHAP VU	VSP02	88-89	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
3	CONG DUC TAM	VSP02	95	1	7		70	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN BAO LAM	P10	30	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO THANH HA	P10	33	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TAT THANH	P10	36	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGOC NGUYEN	P10					84	KH-THAC	Vietnamese
8	TA XUAN KHOI	P10	35	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU DUONG	P10	31	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN MANH HUNG	P10	40	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TOAN	P10	39	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CHI HIEU	P10	27	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	P10	37	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN HUU DUNG	P10	34	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TOAN	P10	42	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	DO TRUONG THINH	P10	26	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN THUYET	P10	28	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUANG	P10	32	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM HIEU LIEM	P10	29	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG VAN MINH	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HOAI THANH	P10	41	1	7		60	YTE	Vietnamese
22	TRAN VAN MINH	P10	25	1	5		80	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	5	38	212	83	0		
2	BK5	0	0	0	0	0	1		
3	P10	19	17	95	1.337	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>133</b>	<b>1.549</b>	<b>83</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>133</b>	<b>1.549</b>	<b>83</b>			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2017	TO: TD2 - BK10 - RC6	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐToàn - DLONG - ĐANG	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI ĐỨC THÂN	TD2	28	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH VĂN TÀI	TD2	30	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ NGUYỄN	TD2	29	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DUẬN	TD2	26	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	27	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ THANH THAI	TD2	33-34	2	15		95	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HỮU HÙNG	TD2	35	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN SƠN	TD2	38	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ DUNG	TD2	36	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TRIẾT	TD2	31-32	2	10		77	NHA THAU	Vietnamese
11	BUI VĂN THOM	TD2	37	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	93	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ XUÂN THUY	BK10	24	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HÙNG	BK10	17-18	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRỌNG LINH	BK10	94	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỮU TUƠNG	BK10	95	1	5	30	55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK10	13	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐINH QUANG DUNG	BK10	19-20	2	30		65	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ MẠNH THẮNG	BK10	14-15	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN BÌNH	BK10	21-22	2	23		63	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC VĂN	BK10	16	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	23	1	5		72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	13	72	728	0	10		
2	BK10	11	15	131	744	30	7		
3	RC6	0	0	0	0	25	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>203</b>	<b>1.472</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>203</b>	<b>1.472</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2017	TO: P11 - P10 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Vận - MQUÂN	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GABITOV	P11	36	1	5		85	D-HANH	Russian
2	BAEV	P11					80	D-HANH	Russian
3	LARIN	P11	40	1	6		70	D-HANH	Russian
4	ANDREEV	P11	41	1	5	35	100	D-HANH	Russian
5	HOANG SY NGOC	P11	34	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LUU	P11	35	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VIET DUNG	P11	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH THANH TAM	P11	25	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HAI VIET	P11	26	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN THUC	P11	30	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NAM	P11	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CAO CHI	P11	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	P11	28-29	2	7		82	KH-THAC	Vietnamese
14	VU MINH PHUONG	P11	32	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG TAN	P11	38	1	7		64	PSV	Vietnamese
16	NGO VAN THANH	P11	39	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEU	P11	27	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	81	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC PHUC	P10	83	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THANG	P10	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH HAI	P10	78	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN NAM	P10	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	17	17	86	1.255	35	11		
2	P10	5	5	23	352	20	6		
3	TD3	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>109</b>	<b>1.607</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>109</b>	<b>1.607</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



VNII SOUTH

# FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 13/09/2017	TO: P9 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - MQUÂN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN A A	P9	71	1	10		130	KH-THAC	Russian
2	ZAHARIN S.V.	P9	72	1	5		90	KH-THAC	Russian
3	LÊ MINH THUY	P9	57	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BA KY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ VĂN THOẠI	P9	62	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUA	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MINH THUY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	P9					62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC THANH	P9	67	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC TIEN	P9	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HAI	P9	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUỐC DŨNG	P9	64	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC BÌNH	P9					82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH HUY KHIEM	P9	53-54	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ SỸ BÌNH	P9	61	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC QUY	P9	58	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨNG	P9	51	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HÀ	P9	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRỊ	P9	62	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TIEN HIỆP	P9	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	55-56	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ AN CHUNG	P9	66	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	19	101	1.597	50	17		CHUYEN 5 PAX BK9 SANG CTK3
2	BK9	0	0	0	0	0	0+5		
3	CTK3	0	0	0	0	20	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>19</b>	<b>101</b>	<b>1.597</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>101</b>	<b>1.597</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Sep-17	TO: P2 - P9 - BK15	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hồi - VTHU - THỤ	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	21	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU PHI	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MINH THANH	P2	23	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG VĂN THUAN	P2	14	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	P2	15	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN THỌ	P2	29-30	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ VĂN TRUNG	P2	17	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUY TĂNG	P2	18	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CÔNG THANH	P2	24-25	2	7	35	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	26	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM SY HIỆP	P2	20	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LUỘNG	P2	19	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	16	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH HAI	P2	22	1	8	11	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	03	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P9	07	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY ANH	P9	08	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	04-05	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC LONG	P9	06	1	16		57	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	P9	01-02	2	17		67	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	15	106	1.091	46	14		
2	P9	6	8	85	435	0	4		
3	BK15	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>191</b>	<b>1.526</b>	<b>46</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.526</b>	<b>46</b>			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2017	TO: P2 - BK4 - DD8	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Bằng - DLONG - ĐANG	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NHÂM ĐỨC TUẤN	P2	55	1	5		70	DVL	Vietnamese
2	VU XUAN CANH	P2	56	1	10		67	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THUẬT	P2	57	1	11	10	74	DVL	Vietnamese
4	DUÔNG THAI SƠN	P2	58	1	12		73	DVL	Vietnamese
5	BUI MINH TRI	P2	50-51	2	15		60	T-TIN	Vietnamese
6	LY XUAN TRUNG	P2	54	1	10		67	YTE	Vietnamese
7	PHẠM HỮU ANH	P2	53	1	5		58	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH ĐÔNG	P2	52	1	5		48	PSV	Vietnamese
9	TRẦN TIẾN BĂNG	P2	49	1	5		61	PSV	Vietnamese
10	PHẠM TRẦN TUẤN ANH	P2	59-60	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY DUƠNG	BK4	48	1	10	15	73	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM XUAN MANH	BK4	47	1	5		64	D-SONG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VINH	DD8	63	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DD8	62	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ QUỐC	DD8	68	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NGHĨA	DD8	72	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THỦ	DD8	66	1	13		68	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HOÀI THIÊN	DD8	65	1	12	20	74	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC LONG	DD8	67	1	15		53	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU VIỆT	DD8	64	1	14		61	KHOAN	Vietnamese
21	LƯU BA XÔ	DD8	99	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	12	91	653	10	8		
2	BK4	2	2	15	137	15	2		
3	DD8	9	9	91	608	20	12		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>197</b>	<b>1.398</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>197</b>	<b>1.398</b>	<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN